

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 05/02/2026

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Yên
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Gia Phụng
Ông Nguyễn Tiến Dũng
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tùng Lâm - Thư ký TAND khu vực 2
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXX - ST ngày 12/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28 ngày 05/02/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984;
Nơi ĐKKHKT: Tổ B, phường P, tỉnh Thái Nguyên.
- Bị đơn: Anh Phạm Hùng T, sinh năm 1982;
Nơi ĐKKHKT: Khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ.
Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hùng T có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2010 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T tại xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là phường P, tỉnh Phú Thọ). Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, cờ bạc, nợ nần, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi nhau. Chị H bỏ về

nhà bố mẹ đẻ ở T từ năm 2011 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì tới nhau. Hiện chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn gì, nên xin được ly hôn anh T.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Hùng C, sinh ngày 21/10/2010. Khi ly hôn chị xin được nuôi con, vì cháu ở cùng chị từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay và hiện cháu đang bị khuyết tật độ 2, không có khả năng tự chăm sóc bản thân. Chị không đề nghị anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh Phạm Hùng T biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng anh T không có mặt (không có lý do). Do đó, anh T không có lời khai và Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Hùng T.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phạm Hùng C, sinh ngày 21/10/2010 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bị đơn anh Phạm Hùng T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực” thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ. Quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

[1.2]. Về sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Hùng T tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có lời khai trình bày quan điểm và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với sự vắng mặt của anh T: Tòa án đã nhiều lần xuống địa phương, gia đình để giao các văn bản tố tụng cho anh T. Gia đình anh T (bố đẻ là ông Phạm Chính N) cho biết: Anh T hiện đang đi làm xa, thỉnh thoảng anh vẫn về nhà và thường xuyên liên lạc về với gia đình. Gia đình đã nhận thay các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh T, để anh đến Tòa có lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục chung của pháp luật. Nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn và của gia đình anh T và chính quyền địa phương nơi anh, chị cư trú có thể xác định: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Hùng T có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2010 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T tại xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là phường P, tỉnh Phú Thọ), cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị H chuyển về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại phường P, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Ông Phạm Chính N (bố đẻ anh T) cho biết, gia đình đã thông báo cho anh T về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án và anh T biết việc chị H xin ly hôn, anh nhờ ông thông báo lại với Tòa án là anh đồng ý ly hôn và xin giải quyết vắng mặt do anh ở xa không thể về được. Gia đình ông T cũng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh T, chị H, vì vợ chồng đã ly thân nhau 15 năm nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T đã ly thân thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ; mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được, anh T và gia đình anh cũng có nguyện vọng cho anh chị ly hôn. Do vậy, cần xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Hùng T là phù hợp với cuộc sống hiện tại của vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Hùng T có 01 con chung là cháu Phạm Hùng C, sinh ngày 21/10/2010. Hiện nay cháu ở cùng chị H tại Thái Nguyên từ khi vợ chồng sống ly thân. Nguyên vọng của chị H xin được nuôi con chung. Chị không đề nghị anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Phạm Hùng C đang bị khuyết tật nặng (mức độ 2) không tự chăm sóc được bản thân, cháu ở cùng mẹ (chị H) 15 năm nay, từ khi vợ chồng ly thân, cháu cần có mẹ chăm sóc và anh T hiện cũng đi làm xa, không thể chăm

sóc cháu. Vì vậy, cần giao cháu Phạm Hùng C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực”; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Phạm Hùng T.
2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phạm Hùng C, sinh ngày 21/10/2010 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Anh T có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai ký hiệu BLTU/25E, số: 0006384 ngày 04/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ (Phòng giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi thành án);
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Phòng THADS khu vực 2;
- UBND Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trịnh Đình Yên

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H1 có bản tự khai và trình bày xin vắng mặt trong phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên xét xử. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Hoài A ly hôn anh Hoàng Công H1
- Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thu T1, sinh ngày 14/02/2024 cho chị Lê Hoài A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh H1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng (phương thức cấp dưỡng theo tháng), kể từ tháng 10 năm 2025 đến khi con chung thành niên. Anh H1 có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Lê Hoài A và anh Hoàng Công H1 xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.
- Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Hoài A và bị đơn anh Hoàng Công H1 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xã L, tỉnh Phú Thọ (HKTT trước đây: Khu E, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ.

[1.2]. Về sự vắng mặt của chị Lê Hoài A và anh Hoàng Công H1 tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoài A và anh H1 đều có lời khai trình bày quan điểm. Do anh H1 trình bày tại bản tự khai là anh xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị Hoài A tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn xác định: Chị Lê Hoài A và anh Hoàng Công H1 đăng ký kết hôn ngày 16/01/2024 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện.

Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị A và anh H1 là trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Phía chị A kiên quyết xin ly hôn, anh H1 cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Do vậy, cần xử cho chị Lê Hoài A được ly hôn với anh Hoàng Công H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị A và anh H1 đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thu T1, sinh ngày 14/02/2024. Quá trình giải quyết vụ án, chị A có nguyện vọng được nuôi con và đề nghị anh H1 đóng góp tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Phía anh H1 cho rằng nếu ly hôn đặt ra, anh đồng ý giao con cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo yêu cầu của chị A là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên.

Xét thấy: Hiện cháu Hoàng Thu T1 còn nhỏ (chưa đủ 36 tháng tuổi), là con gái. Vì vậy, cần giao cháu T1 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H1 sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi thành niên là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Lê Hoài A và anh Hoàng Công H1 đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Hoài A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và anh Hoàng Công H1 phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 80, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Hoài A ly hôn anh Hoàng Công H1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thu T1, sinh ngày 14/02/2024 cho chị Lê Hoài A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh Hoàng Công H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng (phương thức cấp dưỡng theo

tháng), kể từ tháng 10 năm 2025 đến khi con chung thành niên. Anh H1 có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Hoài A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị A phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: BLTU/25E/0000854 ngày 25/7/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Anh Hoàng Công H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ (Phòng giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi thành án);
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2;
- VKSND tỉnh;
- Phòng TT- KT- THA TAND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS khu vực 2;
- UBND xã Lâm Thao;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đình Yên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đình Yên

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Âm Hạ, huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Yên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đình Yên

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đề đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đình Yên

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đình Y

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Xuan Áng, huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đình Yên